TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2026
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Dân
Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 1007/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 17/10/1991; Căn cước công dân số 040091029698; cấp ngày: 18/1/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Y (nay là xã V), tỉnh Nghệ An (*có mặt*).

2. Bị đơn: Bà **Phan Thị Thùy A**, sinh ngày 01/10/1992; Căn cước công dân số 048192007503; cấp ngày 22/12/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Tổ A - Tổ dân phố P, phường H, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2026; quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Thùy A có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/7/2012 tại Ủy Ban nhân dân xã H, huyện H (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn thì ông Đ và bà A sống tại nhà cha mẹ của bà A tại tổ dân phố P, phường H, thành phố Đà Nẵng; vợ

chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về mọi mặt. Ông Đ và bà A đã sống ly thân với nhau mỗi người một nơi từ năm 2012 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông Đ xác định tình cảm không còn thương yêu bà Phan Thị Thùy A, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị Thùy A.

+ *Về con chung*: Ông Đ xác định ông và bà A không có con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Đ xác định ông và bà A không có tài sản chung và nợ chung.

** Bị đơn là bà Phan Thị Thùy A vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn là bà Phan Thị Thùy A về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Phan Thị Thùy A.

Về con chung: Ông Đ xác định ông và bà A không có con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Phan Thị Thùy A có địa chỉ tại tổ dân phố P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Phan Thị Thùy A đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

không lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án với vắng mặt của bị đơn là bà Phan Thị Thùy A.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Thùy A có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/7/2012 tại Ủy Ban nhân dân xã H, huyện H (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông Đ trình bày thì vợ chồng ngay từ những ngày đầu chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Để ổn định cuộc sống, ông Nguyễn Văn Đ đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thùy A.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng thương yêu nhau. Toà án xác minh tại địa phương thể hiện ông Đ và bà A không sống cùng nhau từ nhiều năm nay, như vậy có thể khẳng định mâu thuẫn giữa ông Đ và bà A là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng bà A đều vắng mặt, điều này thể hiện sự không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình của bà A. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của ông Nguyễn Văn Đ là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ được ly hôn với bà A.

[3] Bà Phan Thị Thùy A không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4] Về con chung: Ông Đ xác định ông và bà A không có con chung, bà A không có ý kiến trình bày về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Trường hợp nếu ông Đ và bà A có tranh chấp về con chung hoặc về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác định ông và bà A không có tài sản chung và nợ chung; bà A không có ý kiến trình bày về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" đối với bị đơn là bà Phan Thị Thùy A.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Phan Thị Thùy A.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0002042 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn là bà Phan Thị Thùy A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng (*Giấy CNKH số 57, ngày 03/7/2012 của UBND xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang (nay là phường Hoà Khánh), TP Đà Nẵng;*
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện

TAND KHU VỰC 4
ZJE190626.TL.QDBA
1653